



Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thông tin về Công ty**

Quyết định Thành lập Quyết định số 105/2004/QĐ-BCN do Bộ Công Thương ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2004.

**Giấy chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số** 0100101308 ngày 4 tháng 11 năm 2014

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là lần thứ chín ngày 4 tháng 11 năm 2014. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
Ông Phạm Duy Hạnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên
Bà Nguyễn Thiên Lý	Thành viên
Ông Thân Đức Việt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thiên Lý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thân Đức Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trọng Kim	Giám đốc điều hành
Ông Bạch Thăng Long	Giám đốc điều hành

Trụ sở đăng ký Số 765, Đường Nguyễn Văn Linh
Phường Sài Đồng
Quận Long Biên, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 22-03-2016

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 22-03-2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-473-k



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **22-03-2016**



Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		716.479.876.761	559.052.053.663
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	73.499.545.079	29.487.620.735
Tiền	111		73.499.545.079	29.487.620.735
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.900.000.000	3.800.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	1.900.000.000	3.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		298.228.202.579	249.112.090.314
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	289.671.175.872	239.420.339.840
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.293.571.648	5.731.572.202
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	5.332.172.534	4.795.503.572
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.068.717.475)	(835.325.300)
Hàng tồn kho	140	10	306.234.749.429	247.159.557.122
Hàng tồn kho	141		312.394.609.429	252.046.932.546
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.159.860.000)	(4.887.375.424)
Tài sản ngắn hạn khác	150		36.617.379.674	29.492.785.492
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		901.288.342	791.510.725
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35.652.914.800	27.932.450.927
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		63.176.532	768.823.840

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		314.960.649.126	253.383.274.445
Các khoản phải thu dài hạn	210		57.077.309.663	11.393.821.154
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	4.297.424.606	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		9.702.887.534	9.702.887.534
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	43.076.997.523	1.690.933.620
Tài sản cố định	220		224.775.391.777	212.243.278.365
Tài sản cố định hữu hình	221	11	223.423.850.559	211.831.668.451
Nguyên giá	222		775.010.716.235	671.068.029.477
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(551.586.865.676)	(459.236.361.026)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.351.541.218	411.609.914
Nguyên giá	228		5.617.111.470	4.387.111.470
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.265.570.252)	(3.975.501.556)
Tài sản dở dang dài hạn	240		951.471.940	949.639.025
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	951.471.940	949.639.025
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.480.000.000	6.515.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	3.480.000.000	6.515.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		28.676.475.746	22.281.535.901
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	28.676.475.746	22.281.535.901
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.031.440.525.887	812.435.328.108

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		819.085.709.556	628.766.323.284
Nợ ngắn hạn	310		661.682.721.079	493.296.786.093
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	191.799.868.717	186.744.012.154
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		33.632.110.076	24.470.962.659
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.020.753.888	4.458.509.616
Phải trả người lao động	314		196.518.553.094	183.516.115.168
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	5.074.803.076	19.478.435.562
Vay ngắn hạn	320	18(a)	223.591.813.958	68.420.432.673
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	7.044.818.270	6.208.318.261
Nợ dài hạn	330		157.402.988.477	135.469.537.191
Phải trả người bán dài hạn	331	15	6.641.921.005	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		77.180.675.494	47.092.840.868
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	11.060.000.000	19.920.000.000
Vay dài hạn	338	18(b)	55.062.930.450	60.512.435.795
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		7.457.461.528	7.944.260.528
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		212.354.816.331	183.669.004.824
Vốn chủ sở hữu	410	20	212.354.816.331	183.669.004.824
Vốn cổ phần	411	21	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		170.000.000	170.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	64.247.819.147	59.117.819.147
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.233.996.111	23.678.826.148
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		8.826.148	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47.225.169.963	23.678.826.148
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		703.001.073	702.359.529
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.031.440.525.887	812.435.328.108

22 -03- 2016

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.712.756.475.636	2.344.629.002.584
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	268.326.533	475.225.881
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	2.712.488.149.103	2.344.153.776.703
Giá vốn hàng bán	11	26	2.335.783.962.105	2.012.030.361.818
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		376.704.186.998	332.123.414.885
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	21.274.313.955	14.711.679.611
Chi phí tài chính	22	28	30.495.005.121	14.125.485.755
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.434.388.298	9.126.321.121
Phần lãi trong công ty liên kết	24		-	154.043.828
Chi phí bán hàng	25	29	138.879.938.937	121.713.141.052
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	171.692.454.641	164.003.712.221
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		56.911.102.254	47.146.799.296
Thu nhập khác	31	31	6.680.934.887	7.399.471.142
Chi phí khác	32		4.128.227.166	2.988.027.645
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.552.707.721	4.411.443.497
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		59.463.809.975	51.558.242.793
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	10.904.358.454	6.345.969.191
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		48.559.451.521	45.212.273.602
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		47.796.652.977	44.515.822.898
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		762.798.544	696.450.704
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	4.780	5.191

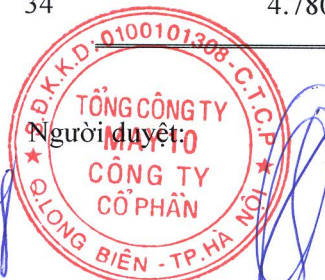
22 -03- 2016

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	59.463.809.975	51.558.242.793
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	100.852.339.029	86.203.809.317
Các khoản dự phòng	03	1.505.876.751	1.074.758.918
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.634.452.391	17.024.510
Lãi từ thanh lý tài sản	05	(1.614.085.079)	(3.931.033.057)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(940.859.699)	(7.388.038.005)
Lợi nhuận từ công ty liên kết	05	-	(154.043.828)
Chi phí lãi vay	06	8.434.388.298	9.126.321.121
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	172.335.921.666	136.507.041.769
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(103.598.200.296)	1.544.955.901
Biến động hàng tồn kho	10	(60.347.676.883)	(42.712.703.630)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	60.165.103.191	66.915.388.300
Biến động chi phí trả trước	12	(4.510.523.687)	13.370.546.321
		64.044.623.991	175.625.228.661
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.093.074.365)	(9.126.321.121)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.123.446.546)	(15.217.139.869)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(25.577.617.367)	(10.066.945.853)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.250.485.713	141.214.821.818
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(115.600.621.325)	(103.304.299.642)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.834.227.273	4.571.578.930
Rút tiền gửi tiết kiệm	24	1.900.000.000	500.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	3.457.500.000	11.382.500.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	518.359.699	1.276.624.564
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(107.890.534.353)	(85.573.596.148)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Mã	Thuyết	2015	2014
số	minh	VND	VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33		963.111.054.261	503.124.262.516
Tiền trả nợ gốc vay	34		(815.016.890.226)	(571.058.951.056)
Tiền trả cổ tức cho chủ sở hữu	36		(15.053.558.540)	(11.004.487.861)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	36		(350.000.000)	(170.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		132.690.605.495	(79.109.176.401)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		44.050.556.855	(23.467.950.731)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	29.487.620.735	52.880.640.216
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(38.632.511)	74.931.250
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	73.499.545.079	29.487.620.735

22-03-2016

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hà
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Công ty và công ty con.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng công ty là:

- Sản xuất quần áo và các phụ liệu của ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bất động sản, văn phòng và nhà cho công nhân thuê;
- Đào tạo nghề;
- Cung cấp chương trình giáo dục mầm non và chăm sóc nuôi dạy trẻ;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Sản xuất và kinh doanh các loại nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu và hóa chất cho ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thuộc lĩnh vực siêu thị; và
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty có một công ty con – Công ty TNHH May Phù Đồng. Tổng công ty chiếm 60,97% quyền biểu quyết và quyền sở hữu tại công ty con (1/1/2015: 60,97%).

Hoạt động chính của công ty con là sản xuất và kinh doanh hàng may mặc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty và công ty con có 8.096 nhân viên (1/1/2015: 7.648 nhân viên).

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng công ty và công ty con đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tổng công ty và công ty con và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty, được trình bày trong thuyết minh 4(b) - Lãi trên cổ phiếu. *ny*

ny

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tổng công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tổng công ty hoặc công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty hoặc công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty hoặc công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tổng công ty hoặc công ty con thực hiện thanh toán.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tổng công ty hoặc công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(i) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác mà Tổng công ty và công ty con không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Tổng công ty áp dụng phương pháp tính khấu hao nhanh đối với một số thiết bị quản lý, máy móc và thiết bị và phương tiện vận tải. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 - 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm
▪ thiết bị quản lý	1,5 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

(ii) Công nghệ sản xuất veston

Giá mua công nghệ sản xuất veston được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Công nghệ sản xuất veston được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 42 tháng.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Giá mua tài sản cố định vô hình khác là Phim tài liệu lịch sử 70 năm May 10 được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phim tài liệu lịch sử 70 năm May 10 được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 24 tháng.

(ii) Chi phí thuê trả trước

Chi phí thuê trả trước được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí như chi phí sửa chữa và chi phí nâng cấp, được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong vòng 36 tháng.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. *M*

py

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê (nếu có).

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận thuần trong năm. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và trong năm kết thúc cùng ngày, Tổng công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty xác định rằng Tổng công ty và công ty con hoạt động trong một bộ phận phân chia theo hoạt động kinh doanh duy nhất đó là sản xuất, gia công và kinh doanh các mặt hàng dệt may bao gồm sợi, chỉ, sợi len, chỉ khâu, chăn, khăn cotton, quần áo may sẵn và một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ (Tập đoàn Dệt may Việt Nam) và công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	5.068.944.501	2.297.493.598
Tiền gửi ngân hàng	68.430.600.578	27.190.127.137
	73.499.545.079	29.487.620.735

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng.

Giá trị hợp lý của đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		31/12/2015		
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu và biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương (**)	TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	348.000	2,04%	3.480.000.000

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	1/1/2015		Giá gốc VND
		Số lượng	% sở hữu và biểu quyết	
Công ty Cổ phần Bất động sản Dệt may Việt Nam (**)	TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	348.000	2,04%	3.480.000.000
Công ty TNHH H.N.P (*)	Hà Nội, Việt Nam		15%	1.500.000.000
Công ty TNHH G.M.I (*)	Hà Nội, Việt Nam		7,72%	525.000.000
Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam (*)	Hà Nội, Việt Nam	101.000	10%	1.010.000.000
				6.515.000.000

(*) Trong năm, Tổng công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty TNHH H.N.P, Công ty TNHH G.M.I và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam.

(**) Trong năm, Công ty Bất động sản Dệt may Việt Nam được sáp nhập vào công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương. Theo đó, khoản đầu tư của Tổng công ty vào công ty Bất động sản Dệt may Việt Nam được chuyển đổi thành khoản đầu tư vào công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương với tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu là 1:1.

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Li & Fung Trading Limited	52.682.385.215	21.672.789.479
Brandtex A/C	37.420.220.348	22.418.740.243
Các khách hàng khác	203.865.994.915	195.328.810.118
293.968.600.478		239.420.339.840

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngắn hạn	289.671.175.872	239.420.339.840
Dài hạn	4.297.424.606	-
293.968.600.478		239.420.339.840

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô từ tiền khách hàng ứng trước	2.020.500.000	-
Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất	1.062.579.000	2.578.809.000
Tạm ứng cho nhân viên	1.153.750.000	1.218.309.785
Phải thu khác	1.095.343.534	998.384.787
	5.332.172.534	4.795.503.572

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô từ tiền khách hàng ứng trước	40.634.500.000	-
Đặt cọc dài hạn	2.311.826.815	1.547.114.012
Phải thu dài hạn khác	130.670.708	143.819.608
	43.076.997.523	1.690.933.620

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2015			Số ngày quá hạn	1/1/2015		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH MTV Thương mại Việt Hàn Huệ Nguyễn Glee Co Công ty TNHH Thương mại Bắc Nam Công ty TNHH May Toàn Thắng	1 - 2 năm	2.067.434.949	1.033.717.475	1.033.717.474	6 tháng - 1 năm	2.067.434.949	620.230.485	1.447.204.464
		-	-	-	5 năm	180.094.815	180.094.815	-
	6 năm	35.000.000	35.000.000	-	5 năm	35.000.000	35.000.000	-
		<u>2.102.434.949</u>	<u>1.068.717.475</u>	<u>1.033.717.474</u>		<u>2.282.529.764</u>	<u>835.325.300</u>	<u>1.447.204.464</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>1.068.717.475</u>			<u>835.325.300</u>		

hđ

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	13.884.640.739	-	19.123.477.609	-
Nguyên vật liệu	123.613.793.972	-	95.417.059.495	-
Công cụ và dụng cụ	1.237.727.946	-	1.165.838.355	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.664.592.069	-	12.899.040.188	-
Thành phẩm	68.095.832.711	(6.159.860.000)	38.290.372.342	(4.887.375.424)
Hàng hóa	25.045.823.826	-	16.702.224.906	-
Hàng gửi đi bán	42.852.198.166	-	68.448.919.651	-
	<u>312.394.609.429</u>	<u>(6.159.860.000)</u>	<u>252.046.932.546</u>	<u>(4.887.375.424)</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 14.050 triệu VND thành phẩm (1/1/2015: 8.860 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. *Ng*

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	201.827.310.255	400.404.075.122	29.563.743.525	39.272.900.575	671.068.029.477
Tăng trong năm	3.018.367.685	56.129.013.327	14.012.359.091	10.628.201.830	83.787.941.933
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	11.511.207.404	13.640.766.207	906.272.728	2.528.406.363	28.586.652.702
Thanh lý	(2.042.358.606)	(3.340.795.215)	(2.789.585.173)	(259.168.883)	(8.431.907.877)
Số dư cuối năm	214.314.526.738	466.833.059.441	41.692.790.171	52.170.339.885	775.010.716.235
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	114.978.795.853	296.256.295.056	20.303.969.848	27.697.300.269	459.236.361.026
Khấu hao trong năm	23.014.621.864	65.642.910.314	4.953.142.936	6.951.595.219	100.562.270.333
Thanh lý	(2.042.358.606)	(3.340.795.215)	(2.569.442.979)	(259.168.883)	(8.211.765.683)
Số dư cuối năm	135.951.059.111	358.558.410.155	22.687.669.805	34.389.726.605	551.586.865.676
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	86.848.514.402	104.147.780.066	9.259.773.677	11.575.600.306	211.831.668.451
Số dư cuối năm	78.363.467.627	108.274.649.286	19.005.120.366	17.780.613.280	223.423.850.559

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 360.760 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 327.425 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 76.594 triệu VND (1/1/2015: 65.521 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng công ty. *ky*

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND	Công nghệ sản xuất veston VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.689.113.822	697.997.648	-	4.387.111.470
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.230.000.000	1.230.000.000
Số dư cuối năm	3.689.113.822	697.997.648	1.230.000.000	5.617.111.470
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.277.503.908	697.997.648	-	3.975.501.556
Khấu hao trong năm	276.842.889	-	13.225.807	290.068.696
Số dư cuối năm	3.554.346.797	697.997.648	13.225.807	4.265.570.252
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	411.609.914	-	-	411.609.914
Số dư cuối năm	134.767.025	-	1.216.774.193	1.351.541.218

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.554 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 3.554 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng. *ng*

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	949.639.025	6.231.662.686
Tăng trong năm	31.812.679.392	16.864.492.559
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(28.586.652.702)	(17.133.357.336)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.230.000.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.994.193.775)	(5.013.158.884)
Số dư cuối năm	951.471.940	949.639.025

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Nhà kho của Tổng công ty	-	174.530.455
Dự án mở rộng Xí nghiệp May Hưng Hà	-	316.677.694
Dự án sửa tòa nhà 4 tầng Xí nghiệp Thái Hà	-	83.330.876
Nhà ăn Tổng công ty	493.660.000	375.100.000
Nhà ở cán bộ nhân viên	435.340.122	-
Các công trình khác	22.471.818	-
Số dư cuối năm	951.471.940	949.639.025

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	11.037.356.761	5.218.190.932	6.025.988.208	22.281.535.901
Tăng trong năm	10.582.109.535	13.937.945.532	3.752.596.888	28.272.651.955
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.994.193.775	-	-	1.994.193.775
Phân bổ trong năm	(13.160.547.372)	(9.337.079.464)	(1.374.279.049)	(23.871.905.885)
Số dư cuối năm	10.453.112.699	9.819.057.000	8.404.306.047	28.676.475.746

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH G.M.I	21.254.278.505	20.644.069.739
Các nhà cung cấp khác	177.187.511.217	166.099.942.415
	<u>198.441.789.722</u>	<u>186.744.012.154</u>

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngắn hạn	191.799.868.717	186.744.012.154
Dài hạn	6.641.921.005	-
	<u>198.441.789.722</u>	<u>186.744.012.154</u>

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	132.000.000	132.000.000
Chi nhánh công ty TNHH MTV dệt 8-3 -		
Xí nghiệp Veston Hải phòng	-	10.904.395.897
	<u>132.000.000</u>	<u>11.036.395.897</u>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 120 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. *MY*

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.631.474.561	21.589.343.489	(21.349.883.150)	1.870.934.900
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.137.541.015	10.904.358.454	(11.123.446.546)	1.918.452.923
Thuế thu nhập cá nhân	665.889.736	4.334.212.174	(4.792.825.149)	207.276.761
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.525.273.295	(1.525.273.295)	-
Thuế đất	-	8.587.687.710	(8.587.687.710)	-
Các loại thuế khác	23.604.304	53.322.796	(52.837.796)	24.089.304
	4.458.509.616	46.994.197.918	(47.431.953.646)	4.020.753.888

17. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Kinh phí công đoàn	2.204.363.585	1.783.180.307
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	42.131.537	18.086.037
Cổ tức phải trả	284.055.583	12.741.292.485
Kinh phí hoạt động Đảng	-	2.030.902.203
Khác	2.544.252.371	2.904.974.530
	5.074.803.076	19.478.435.562

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Đặt cọc dài hạn	1.060.000.000	920.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi dài hạn	10.000.000.000	19.000.000.000
	11.060.000.000	19.920.000.000

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015 Giá trị ghi sổ VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2015 Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	51.591.093.451	914.309.983.472	(774.229.801.088)	191.671.275.835
Vay dài hạn đến hạn trả	16.829.339.222	31.920.538.123	(16.829.339.222)	31.920.538.123
	<u>68.420.432.673</u>	<u>946.230.521.595</u>	<u>(791.059.140.310)</u>	<u>223.591.813.958</u>

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá Tổng công ty có khả năng thanh toán toàn bộ các khoản vay này khi đến hạn.

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Khoản vay ngân hàng	USD	1,8%	130.967.256.291	51.591.093.451
Khoản vay ngân hàng	VND	5,2%	60.704.019.544	-
			<u>191.671.275.835</u>	<u>51.591.093.451</u>

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng không được đảm bảo bằng tài sản. M

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay từ UBND					
Tỉnh Quảng Bình	VND	0%	2018-2020	9.702.887.544	9.702.887.544
Khoản vay ngân hàng	VND	7,3%-8%	2015-2017	35.677.839.224	6.129.629.751
Khoản vay ngân hàng	USD	3,3%-3,5%	2015-2018	41.024.141.805	61.509.257.722
Vay cá nhân	VND	6%	2018	578.600.000	-
				86.983.468.573	77.341.775.017
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(31.920.538.123)	(16.829.339.222)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				55.062.930.450	60.512.435.795

Khoản vay từ UBND Tỉnh Quảng Bình không được đảm bảo.

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo có giá trị ghi sổ là 76.594 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 65.521 triệu VND) (Thuyết minh 11).

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty và công ty con.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	6.208.318.261	19.706.470.014
Trích lập trong năm	16.927.318.376	14.387.505.733
Sử dụng trong năm	(16.090.818.367)	(8.885.657.486)
Phân loại sang phải trả dài hạn khác	-	(19.000.000.000)
Số dư cuối năm	7.044.818.270	6.208.318.261

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	80.000.000.000	170.000.000	37.717.603.715	11.429.215.432	19.015.678.810	748.509.869	149.081.007.826
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	20.000.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	44.515.822.898	696.450.704	45.212.273.602
Trích các quỹ	-	-	6.154.000.000	3.817.000.000	(9.971.000.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(14.158.982.845)	(228.522.888)	(14.387.505.733)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(15.450.000.000)	(339.519.718)	(15.789.519.718)
Biến động khác	-	-	-	-	(272.692.715)	(174.558.438)	(447.251.153)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 – đã báo cáo trước đây	100.000.000.000	170.000.000	43.871.603.715	15.246.215.432	23.678.826.148	702.359.529	183.669.004.824
<i>Phân loại lại (Thuyết minh 36)</i>	-	-	15.246.215.432	(15.246.215.432)	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã phân loại lại	100.000.000.000	170.000.000	59.117.819.147	-	23.678.826.148	702.359.529	183.669.004.824
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	47.796.652.977	762.798.544	48.559.451.521
Trích các quỹ (Thuyết minh 23)	-	-	5.130.000.000	-	(5.130.000.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(16.561.483.014)	(365.835.362)	(16.927.318.376)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(2.550.000.000)	(396.321.638)	(2.946.321.638)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	100.000.000.000	170.000.000	64.247.819.147	-	47.233.996.111	703.001.073	212.354.816.331

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty.

22. Cổ tức

Ngày 22 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty đã thông qua phương án chia cổ tức cho năm 2014 số tiền là 18 tỷ VND (đã tạm ứng 15,45 tỷ VND trong năm 2014).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2015, Tổng công ty đã trích lập 5,13 tỷ VND từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2014 vào Quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.456.305	55.144.044.107	562.866	11.958.944.691
EUR	74.133	1.813.001.637	-	-
GBP	227	7.536.348	-	-
		<u>56.964.582.092</u>		<u>11.958.944.691</u>

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Tổng công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	327.770.000	10.393.905.778
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.256.337.250	46.250.668.057
	2.584.107.250	56.644.573.835

(c) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	10.078.075.915	8.196.052.763
Trong vòng hai đến năm năm	30.434.724.460	19.078.982.652
Sau năm năm	126.840.755.697	75.820.102.891
	167.353.556.072	103.095.138.306

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015 VND	2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	2.024.233.864.673	1.679.805.512.775
▪ Cung cấp dịch vụ	7.867.212.260	6.447.241.882
▪ Gia công	680.655.398.703	658.376.247.927
	2.712.756.475.636	2.344.629.002.584
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(268.326.533)	(475.225.881)
Doanh thu thuần	2.712.488.149.103	2.344.153.776.703

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Giá vốn hàng bán

	2015	2014
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán và dịch vụ đã cung ứng	2.334.511.477.529	2.011.495.733.385
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.272.484.576	534.628.433
	2.335.783.962.105	2.012.030.361.818

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	398.203.131	630.874.564
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	422.500.000	7.228.135.474
Cổ tức được chia	120.156.568	285.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	20.241.887.647	6.471.413.441
Doanh thu hoạt động tài chính khác	91.566.609	95.506.132
	21.274.313.955	14.711.679.611

28. Chi phí tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.434.388.298	9.126.321.121
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.357.860.432	4.901.474.124
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.634.452.391	17.024.510
Chi phí tài chính khác	68.304.000	80.666.000
	30.495.005.121	14.125.485.755

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	13.694.591.728	8.268.742.159
Chi phí quảng cáo	9.180.271.185	7.729.188.838
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	38.244.077.193	35.493.028.268
Chi phí xuất khẩu	26.198.928.501	29.034.762.681
Chi phí thuê cửa hàng	15.354.008.779	12.063.647.218
Chi phí bán hàng khác	36.208.061.551	29.123.771.888
	138.879.938.937	121.713.141.052

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi	233.392.175	607.684.854
Chi phí nhân viên	85.310.229.606	80.894.249.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.572.133.061	7.536.372.819
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.229.305.021	16.187.458.770
Chi phí khác	56.347.394.778	58.777.945.905
	171.692.454.641	164.003.712.221

31. Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	1.614.085.079	3.931.033.057
Thu nhập khác	5.066.849.808	3.468.438.085
	6.680.934.887	7.399.471.142

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.292.603.479.491	1.134.214.842.698
Chi phí nhân viên	679.277.572.473	610.586.387.958
Chi phí khấu hao	100.852.339.029	86.203.809.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	495.386.075.507	400.810.638.983
Chi phí khác	133.194.901.433	81.417.156.401

33. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	10.370.386.868	9.733.317.255
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	533.971.586	(3.387.348.064)
	10.904.358.454	6.345.969.191

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	59.463.809.975	51.558.242.793
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.885.072.183	4.122.645.527
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	1.589.023.293	-
Thu nhập không chịu thuế:		
▪ Cổ tức được chia	(120.156.568)	(1.176.124.513)
▪ Điều chỉnh theo biên bản thanh tra thuế năm 2013 và 2014	(2.700.662.210)	-
Thu nhập chịu thuế trong năm	64.117.086.673	54.504.763.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất Công ty	14.105.759.068	12.214.329.831
▪ Ưu đãi của công ty con	-	(44.609.960)
▪ Ưu đãi cho chi phí sử dụng lao động nữ	(3.735.372.200)	(3.344.730.400)
▪ Dự phòng thừa tại đơn vị phụ thuộc	-	908.327.784
▪ Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	533.971.586	(3.387.348.064)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.904.358.454	6.345.969.191

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Tổng công ty được hưởng ưu đãi giảm số thuế thu nhập tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

Các đơn vị phụ thuộc của Tổng công ty được hưởng các ưu đãi thuế và phải nộp thuế theo mức thuế suất giống như Tổng công ty ngoại trừ Xí nghiệp May Hà Quảng nộp thuế theo mức thuế suất 15%. Xí nghiệp May Hà Quảng được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2006 - 2009) và được giảm 50% thuế thu nhập cho 9 năm tiếp theo (2010 - 2018).

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 47.796.652.977 VND (2014: 44.515.822.898 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 10.000.000 cổ phiếu (2014: 8.575.342 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông	47.796.652.977	44.515.822.898
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	<u>47.796.652.977</u>	<u>44.515.822.898</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt. Nếu Tổng công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015	2014
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	10.000.000	8.000.000
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi của trái phiếu đáo hạn ngày 17 tháng 9 năm 2014	-	575.342
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	<u>10.000.000</u>	<u>8.575.342</u>

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông	47.796.652.977	44.515.822.898
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	10.000.000	8.575.342
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.780	5.191

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng công ty và công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Chia cổ tức	905.550.900	5.637.502.500
Lãi trái phiếu chuyển đổi	-	236.744.000
Mua nguyên vật liệu	222.900.000	166.527.273
Bán hàng hóa	19.324.068.866	342.805.456
Góp vốn thông qua chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	-	5.918.600.000
Công ty Xuất nhập khẩu Dệt may		
Mua hàng hóa	-	3.665.196.089 *
Chi nhánh Tập đoàn Dệt may Việt Nam – Xí nghiệp SXKD Veston Hải Phòng		
Mua hàng gia công	-	50.085.849.157
Cho thuê máy móc thiết bị	-	4.027.742.041
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 – Xí nghiệp SXKD Veston Hải Phòng		
Mua hàng gia công	21.066.973.035	19.417.667.761
Cho thuê máy móc thiết bị	1.086.328.215	-

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Tổng công ty áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính hợp nhất có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	3.800.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	3.800.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	4.795.503.572	3.577.193.787
Tài sản ngắn hạn khác	-	1.218.309.785
Phải thu dài hạn khác	1.690.933.620	9.702.887.534
Phải thu về cho vay dài hạn	9.702.887.534	-
Tài sản dài hạn khác	-	1.690.933.620
Đầu tư dài hạn khác	-	6.515.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.515.000.000	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	47.092.840.868	-
Phải trả dài hạn khác	19.920.000.000	67.012.840.868
Quỹ đầu tư phát triển	59.117.819.147	43.871.603.715
Quỹ dự phòng tài chính	-	15.246.215.432

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014 (phân loại lại) VND	2014 (theo báo cáo trước đây) VND
Thu nhập khác	7.399.471.142	8.040.017.015
Chi phí khác	2.988.027.645	3.628.573.518

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

22-03-2016